

Bản án số: 76/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Hoàng Thị Thoan

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thúy – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 159/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ liên lạc: Số B đường P, tổ dân phố V, phường M, quận B, Hà Nội; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Minh L1, sinh năm 1991

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang lao động tại Singapore không rõ địa chỉ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, Bản tự khai chị Nguyễn Thị L (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh Trương Minh L1 (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 13 tháng 01 năm 2021. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống; năm 2022

bị đơn đi lao động tại Singapore, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng từ năm 2023 cho đến nay bị đơn không còn liên lạc, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ năm 2022 cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 01 con chung [Trương Thị Nhật H](#), sinh ngày 21/01/2021; hiện đang sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được nuôi con và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng nguyên đơn không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn qua người thân theo quy định. Tại đơn trình bày ngày 25/11/2024 của ông [Trương Xuân M](#), bà [Trương Thị V](#) là bố mẹ của bị đơn (có xác nhận của [UBND xã Q](#)) thì ông [M](#), bà [V](#) đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bị đơn; ông [M](#), bà [V](#) đã báo qua điện thoại cho bị đơn biết việc nguyên đơn xin ly hôn, nhưng hiện nay bị đơn đang lao động tại Singapore ông [M](#), bà [V](#) không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã thực hiện thông báo trên kênh đối ngoại VoV5 Đài Tiếng nói Việt Nam và trên Cổng thông tin điện tử của Hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; về con chung: Giao nguyên đơn nuôi con chung [Trương Thị Nhật H](#), sinh ngày 21/01/2021 và chấp nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con; tài sản chung và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Thông báo số 2984/CV - QLXNC ngày 29/10/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn đã xuất nhập cảnh nhiều lần và lần gần nhất vào ngày 17/7/2024 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ

khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn qua người thân theo quy định. Tại đơn trình bày ngày 25/11/2024 của ông [Trương Xuân M](#), bà [Trương Thị V](#) là bố mẹ của bị đơn (có xác nhận của [UBND xã Q](#)) thì ông bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bị đơn; ông [M](#), bà [V](#) đã báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn xin ly hôn. Hiện nay bị đơn đang lao động tại Singapore ông [M](#), bà [V](#) không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã thực hiện thông báo trên kênh đối ngoại VoV5 Đài Tiếng nói Việt Nam và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn. Như vậy, bị đơn và người thân của bị đơn đã cố tình dấu địa chỉ, căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#) vào ngày 13 tháng 01 năm 2021, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống; năm 2022 bị đơn đi lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy anh chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nguyên đơn có nguyện vọng xin được ly hôn; áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

[5] Quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung [Trương Thị Nhật H](#), sinh ngày 21/01/2021; hiện đang sống với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận cho nguyên đơn trực tiếp nuôi cháu [H](#) và cần chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung.

[6] Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 2.250.000 đồng chi phí tố tụng.

[8] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị [Nguyễn Thị L](#) được ly hôn anh [Trương Minh L1](#)
2. Giao chị [Nguyễn Thị L](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung [Trương Thị Nhật H](#), sinh ngày 21/01/2021.
3. Chấp nhận sự tự nguyện của chị [Nguyễn Thị L](#) về việc không yêu cầu anh [Trương Minh L1](#) đóng góp tiền nuôi con chung.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét
5. Chị [Nguyễn Thị L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông [Nguyễn Văn T](#) nộp thay) tại biên lai số 0005070 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; chị [L](#) đã nộp đủ án phí vụ kiện.
6. Chị [Nguyễn Thị L](#) phải chịu 2.250.000 đồng chi phí tố tụng (chị [L](#) đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị [Nguyễn Thị L](#) biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Anh [Trương Minh L1](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CTHADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Tân Kim;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

